

QUYẾT ĐỊNH

V/v trợ cấp xã hội học kỳ I, năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định số 4368/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGD&ĐT-BTC-BLĐ-TB&XH ngày 25/08/1998 của liên Bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 498 /QĐ-CĐKTKTTS ngày 01/11/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản về việc ban hành “Quy định giải quyết chế độ trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác học sinh, sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp tiền hàng tháng học kỳ I năm học 2025-2026 cho những học sinh, sinh viên thuộc đối tượng:

- Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, học sinh, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập với mức trợ cấp: 100.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên.

- Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với mức trợ cấp: 140.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên.

(Có danh sách học sinh, sinh viên được hưởng kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Công tác học sinh, sinh viên, Tài chính kế toán, Đào tạo, Trưởng các khoa, Giáo viên chủ nhiệm các lớp và những học sinh, sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng TCKT;
- Đưa Website;
- Lưu: VT, CTHSSV.



HIỆU TRƯỞNG

Ts. Bùi Thị Hạnh

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ,
KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số: 370/QĐ-CDKTKTTS ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản)

TT	Họ và tên	Sinh ngày	Lớp	Đối tượng	Mức trợ cấp/tháng (đồng)	Số tháng hưởng	Tổng số tiền (đồng)
1	Phạm Văn Chính	24/11/2008	245THTY1	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
2	Nguyễn Thạc Vinh	24/04/2008	245NTTS1	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
3	Nguyễn Tuấn Duy	12/11/2008	245NTTS2	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
4	Nguyễn Ánh Dương	29/07/2008	255QLDN3	Là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa	100,000	6	600,000
5	Nguyễn Minh Đức	22/09/2009	255QLDN3	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
6	Trần Quốc Thái	17/07/2006	255QLDN3	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
7	Đào Duy Tài	29/12/2009	255QLDN3	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
8	Ngô Nhật Anh	06/09/2009	255QLDN3	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
9	Trần Công Đô	20/12/2008	255QLDN1	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
Tổng cộng							5,400,000

Ấn định danh sách có 9 học sinh, sinh viên

Viết bằng chữ: Năm triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn

NGƯỜI LẬP

Trần Thị An

TP. CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN

ThS. Đỗ Văn Sơn



HIỆU TRƯỞNG

TS. Bùi Thị Hạnh

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số: ~~370~~ /QĐ-CDKTKTTS ngày 15 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản)

TT	Họ và	Tên	Sinh ngày	Lớp	Đối tượng	Mức trợ cấp/tháng (đồng)	Số tháng hưởng	Tổng số tiền (đồng)
1	Thào Phình	Công	07/09/2009	245NTTS3	HSSV ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn	140,000	6	840,000
2	Giàng Mí	Nhù	02/04/2009	245NTTS3	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
3	Thò Mí	Và	18/05/2009	245NTTS3	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
4	Vừ Mí	Hà	04/11/2009	245THUD3	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
5	Chù Phụng	Hải	04/03/2009	245THUD2	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
6	Sùng Mí	Lữ	28/08/2009	245THUD3	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
7	Ly Mí	Tùa	13/07/2009	245THUD3	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
8	Vừ Mí	Lữ	11/11/2009	245CBTS3	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
9	Thò Mí	Pó	01/03/2009	245CBTS3	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
10	Chá Mí	Sinh	23/05/2009	245CBTS3	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
11	Thò Mí	Song	12/08/2009	245CBTS3	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000

TT	Họ và	Tên	Sinh ngày	Lớp	Đối tượng	Mức trợ cấp/tháng (đồng)	Số tháng hưởng	Tổng số tiền (đồng)
12	Mua Thị	Pà	17/08/2009	245CNTY1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
13	Già Mí	Po	05/04/2007	245CNTY1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
14	Vàng Mí	Say	28/04/2009	245CNTY1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
15	Giàng Mí	Cơ	01/01/2009	245LRMT1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
16	Giàng A	Quang	13/10/2009	245LRMT1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
17	Giàng Mí	Say	06/03/2009	245LRMT1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
18	Thào Mí	Say	20/12/2008	245LRMT1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
19	Và Mí	Sừ	26/07/2009	245LRMT1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
20	Dùng Thị	Buổi	07/05/2009	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
21	Lương Tuấn	Dũng	09/07/2010	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
22	Phàn Seo	Dũng	25/02/2010	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
23	Chào Đức	Minh	02/02/2010	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
24	Giàng Mí	Nhù	24/07/2009	255CBTS1	HSSV ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn	140,000	6	840,000
25	Giàng Mí	Páo	17/04/2009	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
26	Cứ A	Thái	26/12/2009	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
29	Chăng Thị	Tuyết	03/10/2010	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
28	Lý A	Vinh	03/07/2010	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
29	Tần Seo	Xuân	27/05/2010	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
30	Lềng Mạnh	Tuấn	16/08/2010	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000

TT	Họ và	Tên	Sinh ngày	Lớp	Đối tượng	Mức trợ cấp/tháng (đồng)	Số tháng hưởng	Tổng số tiền (đồng)
31	Mua Mí	Hờ	10/10/2010	255CBTS1	HSSV ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn	140,000	6	840,000
32	Chào Thị	Nhi	08/07/2009	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
Tổng cộng								26,880,000

Ấn định danh sách có 32 học sinh, sinh viên

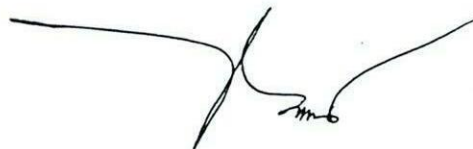
Viết bằng chữ: Hai mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn

NGƯỜI LẬP



Trần Thị An

TP. CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN



ThS. Đỗ Văn Sơn

HIỆU TRƯỞNG



TS. Bùi Thị Hạnh

